TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **107**/2022/QĐST-HNGĐ	*Nhà Bè, ngày 30 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57; 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 407/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2021 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Liêu Chí T, sinh năm 1969;
- Bà Lê Thị Ánh N, sinh năm 1984;

Cùng địa chỉ: X Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết việc dân sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 57/HT-TP do Uỷ ban nhân dân xã Đại Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre cấp ngày 16/9/2008 thì ông Liêu Chí T và bà Lê Thị Ánh N có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông T và bà N cùng thuận tình ly hôn. Ông T và bà N cùng cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Theo lời trình bày của ông T và bà N thì sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng kể từ giữa năm 2018 thì cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó dẫn đến việc sống ly thân. Mặc dù cả hai

đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Nay ông T và bà N cùng yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Về con chung các bên thống nhất giao trẻ Liêu Gia H, sinh ngày 15/02/2011 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T và bà N thỏa thuận ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu Ny sau khi án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Xét: Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Do vậy, việc công nhận thuận tình ly hôn của ông Liêu Chí T và bà Lê Thị Ánh N là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (ngày 22/3/2022), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Liêu Chí T và bà Lê Thị Ánh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Liêu Gia H, sinh ngày 15/02/2011. Ông T và bà N thỏa thuận giao trẻ Liêu Gia Hân cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thực hiện vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu Ny sau khi án có hiệu lực pháp luật, thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bà N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho ông T khi đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông T và bà N mỗi người phải nộp 150.000 đồng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0037360 ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- CCTHADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Đại Điền,
huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Long